

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA VIỄN
TỈNH NINH BÌNH
Số: 09/2025/QĐST - DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Viễn, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 303; 463; 465; 466 Bộ luật Dân sự; Điều 100 luật tổ chức tín dụng năm 2024; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST- DS, ngày 25 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông Mai Chấn D (*theo Văn bản ủy quyền số 6506/2025/UQN- V1, ngày 30/5/2025*).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Công ty cổ phần M.

Địa chỉ: tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn T và ông Lê Phú L (*theo văn bản ủy quyền số 18706/2025/UQ- XLN- JUPITER, ngày 30/5/2025*).

2. Bị đơn: anh Đồng Văn D1, sinh năm 1991 và chị Trần Thị T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (nay là xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Đồng Văn Đ, sinh năm 1971 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1971; nơi cư trú: xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (nay là xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình).

II Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ: tính đến ngày 13/6/2025, anh Đồng Văn D1, chị Trần Thị T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền là **1.081.608.367** đồng (*Một tỷ không trăm tám mươi một triệu sáu trăm linh tám nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó nợ gốc là 865.812.500 đồng; lãi trong hạn là 209.507.380 đồng và lãi quá hạn là 6.288.487 đồng; Nợ Công ty cổ phần M số tiền là **18.177.752.412** đồng (*Mười tám tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm mười hai đồng*). Trong đó nợ gốc là 16.450.437.500 đồng; lãi trong hạn là 1.612.803.150 đồng và lãi quá hạn là 114.511.762 đồng.

2. Về trách nhiệm trả nợ: ngày 31/12/2025 anh Đồng Văn D1, chị Trần Thị T1 trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) là **1.081.608.367** đồng (*Một tỷ không trăm tám mươi một triệu sáu trăm linh tám nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó nợ gốc là 865.812.500 đồng; lãi trong hạn là 209.507.380 đồng và lãi quá hạn là 6.288.487 đồng và trả cho Công ty cổ phần M số tiền là **18.177.752.412** đồng (*Mười tám tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm mười hai đồng*). Trong đó nợ gốc là 16.450.437.500 đồng; lãi trong hạn là 1.612.803.150 đồng và lãi quá hạn là 114.511.762 đồng. Đồng thời anh Đồng Văn D1, chị Trần Thị T1 phải tiếp tục trả các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng cho vay số LN2307089673982 ký ngày 03/10/2023; số LN2307089673939 ký ngày 03/10/2023 và số 10134060 ký ngày 28/02/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: đến hết ngày 31/12/2025 anh Đồng Văn D1, chị Trần Thị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2307089673939 ngày 30/09/2023 để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M thì anh Đồng Văn D1, chị Trần Thị T1 phải tiếp tục dùng các tài sản hợp pháp khác của mình để trả nợ cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả của các hợp đồng cho vay số LN2307089673982 ký ngày

03/10/2023; số LN2307089673939 ký ngày 03/10/2023 và số 10134060 ký ngày 28/02/2024.

4. Về án phí: anh Đồng Văn D1, chị Trần Thị T1 phải nộp số tiền là **63.629.500 đồng** (Sáu mươi ba triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **62.931.000 đồng** (Sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000774, ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đinh Xuân Tường